

ÔN TẬP NGHỀ ĐIỆN DÂN DỤNG.

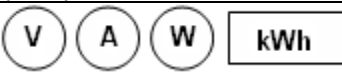
	Câu hỏi	Đáp án
<u>1</u>	Yêu cầu về kỹ năng của nghề điện dân dụng là phải có những kỹ năng cần thiết như : A. Sửa chữa thiết bị điện, sửa chữa và lắp đặt máy biến áp. B. Sửa chữa động cơ, máy biến áp, đồ dùng điện. C. Sửa chữa thiết bị điện, đo điện, sửa chữa và lắp đặt mạng điện. D. Sửa chữa thiết bị điện, sửa chữa và lắp đặt mạng điện.	
<u>2</u>	Đối tượng lao động của nghề điện dân dụng bao gồm : A. Nguồn điện, mạng điện, thiết bị điện, khí cụ điện. B. Dụng cụ cơ khí, bản vẽ, nguồn điện. C. Vật liệu kỹ thuật điện, nguồn điện, bản vẽ. D. Đường dây truyền tải và mạng điện, dụng cụ cơ khí, đồ dùng bảo hộ lao động.	
<u>3</u>	Mạng điện sinh hoạt cung cấp cho các hộ tiêu thụ ở nước ta phổ biến là : A. Mạng điện 1 pha với điện áp pha định mức là 220V B. Mạng điện 1 pha với điện áp pha định mức là 127V C. Mạng điện 3 pha với điện áp dây định mức là 220V D. Mạng điện 3 pha với điện áp pha định mức là 380V	
<u>4</u>	Bút thử điện có điện trở hạn chế dòng điện là 1MΩ, khi thử điện có điện áp là 220V thì dòng điện qua người là bao nhiêu ? A. 0,1mA B. 0,22mA C. 0,22A D. 1mA	
<u>5</u>	Cho biết các ưu điểm chính của điện năng: A. Có 2 ưu điểm chính: dễ sản xuất, dễ sử dụng. B. Có 3 ưu điểm chính: dễ sản xuất, dễ sử dụng, dễ truyền tải. C. Có 3 ưu điểm chính: dễ thao tác, dễ sử dụng, ít nguy hiểm. D. Có 3 ưu điểm chính: dễ sản xuất, dễ sử dụng, không cần thiết bị.	
<u>6</u>	Công cụ lao động của nghề điện dân dụng bao gồm : A. Đồ dùng bảo hộ lao động, máy biến áp và máy phát điện, dụng cụ cơ khí. B. Đồ dùng bảo hộ lao động, dụng cụ đo và kiểm tra điện. C. Dụng cụ cơ khí, bản vẽ, tranh ảnh, dụng cụ đo và kiểm tra điện. D. Đồ dùng bảo hộ lao động, dụng cụ đo và kiểm tra điện, dụng cụ cơ khí, bản vẽ, tranh ảnh, tài liệu kỹ thuật.	
<u>7</u>	Các yêu cầu của nghề điện dân dụng là : A. Có tri thức, Có kỹ năng, có sức khỏe B. Có tri thức, Có kỹ năng C. Có kỹ năng, có sức khỏe D. Có kỹ năng.	
<u>8</u>	Công cụ lao động của nghề điện I - Dụng cụ đo và kiểm tra như : Bút thử điện , đồng hồ vạn năng , vôn kế . II - Các sơ đồ, bản vẽ, kết cấu của thiết bị . III - Dụng cụ an toàn, găng và ủng cao su, quần áo, mũ bảo vệ . IV - Có kỹ năng, có sức khỏe. A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I,II, III, IV	
<u>9</u>	Để chọn được loại đèn tiết kiệm điện năng ta dựa vào: A. Điện áp sử dụng B. Công suất bóng đèn. C. Hiệu suất phát quang D. Truyền tải điện năng.	
<u>10</u>	Để sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện năng phải: A. Giảm bớt tiêu thụ điện năng trong giờ cao điểm B. Sử dụng đồ dùng điện hiệu suất cao để tiết kiệm điện năng C. Không sử dụng máy có công suất lớn. D. Không sử dụng máy có điện áp lớn.	
<u>11</u>	Điện năng là nguồn động lực chủ yếu đối với sản xuất và đời sống vì I - Điện năng được sản xuất tập trung tại các nhà máy điện II - Điện năng dễ dàng biến đổi thành các dạng năng lượng khác III - Điện năng được sản xuất, truyền tải, phân phối, sử dụng dễ dàng IV – Các thiết bị điện nhỏ gọn và dễ điều khiển. A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I,II, III, IV	
<u>12</u>	Đường dây dẫn điện có chức năng : A. Truyền tải điện năng từ nhà máy đến nơi tiêu thụ	

	B. Biến đổi các dạng năng lượng thành điện năng C. Biến đổi điện thành nhiệt năng D. Hiệu suất phát quang	
13	Giờ cao điểm có đặc điểm là công suất của mạng điện.....: A. Tăng lên, nhà máy không đủ khả năng cung cấp điện B. Giảm xuống, nhà máy thừa khả năng cung cấp điện C. Không đổi, nhà máy đủ khả năng cung cấp điện D. Giảm xuống, ảnh hưởng xấu đến chế độ làm việc của đồ dùng điện	
14	Khi điện áp của mạng điện giảm xuống sẽ làm: A. Tuổi thọ của đồ dùng điện tăng B. Ảnh hưởng xấu đến chế độ làm việc của đồ dùng điện C. Giảm điện năng tiêu thụ của đồ dùng điện D. Biến đổi điện thành nhiệt năng.	
15	Trong sản xuất và đời sống, điện năng có vai trò: I - Là nguồn động lực, nguồn năng lượng II - Quá trình sản xuất được tự động hóa III - Cuộc sống con người được tiện nghi và văn minh hơn IV - Có kỹ năng, có sức khỏe. A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I,II, III, IV	
16	Vai trò của đo lường điện trong nghề điện dân dụng là ? I - Xác định các thông số kỹ thuật. II - Phát hiện các vật liệu có từ. III - Phát hiện các sai hỏng IV - Xác định trị số các đại lượng điện A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I, III, IV	
17	Biện pháp đầu tiên khi xử lý khi người bị điện giật là: A. Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất B. Giải thoát nạn nhân ra khỏi nguồn điện C. Báo cho cơ sở y tế gần nhất đến cấp cứu D. Hô hấp nhân tạo cho nạn nhân	
18	Để giải thoát nạn nhân bị điện giật do điện áp cao, ta phải : A. Báo cho bộ phận quản lý điện cắt điện trước. Sau đó mới đến gần nạn nhân và sơ cứu. B. Báo cho cơ sở y tế đến sơ cứu nạn nhân. C. Cắt cầu dao, cầu chì gần nhất để cắt điện. Sau đó mới đến gần nạn nhân và sơ cứu. D. Dùng găng tay cách điện kéo nạn nhân ra khỏi khu vực có điện. Sau đó mới sơ cứu nạn nhân.	
19	Điện giật tác động tới con người như thế nào : A. Tác động tới hệ tuần hoàn và làm tim đập chậm hơn bình thường. B. Tác động tới hệ tuần hoàn. C. Tác động tới hệ hô hấp. D. Tác động tới hệ thần kinh trung ương và cơ bắp.	
20	Dòng điện xoay chiều 50-60Hz qua người là bao nhiêu thì bắt đầu có cảm giác bị điện giật : A. 0,6 – 1,5mA B. 0,6 – 1,5A C. 0,1 – 0,15mA D. 6 – 15mA	
21	Khi bị điện giật, có cùng 1 điện áp như nhau thì nguồn điện nào nguy hiểm hơn: A. Nguồn điện một chiều. B. Nguồn điện một chiều và xoay chiều nguy hiểm như nhau. C. Nguồn điện xoay chiều. D. Nguồn điện từ acquy.	
22	Mức độ nguy hiểm của tai nạn điện phụ thuộc vào các yếu tố nào: A. Cường độ dòng điện chạy qua cơ thể, thời gian dòng điện qua cơ thể. B. Đường đi của dòng điện trên dây dẫn, cường độ dòng điện chạy qua cơ thể, thời gian dòng điện qua cơ thể. C. Cường độ dòng điện chạy qua cơ thể, thời gian dòng điện qua cơ thể, đường đi của dòng điện qua cơ thể. D. Cường độ dòng điện chạy qua cơ thể, thời gian dòng điện qua cơ thể, đường đi của dòng điện trên dây dẫn.	
23	Nguyên nhân bị điện giật do tiếp xúc với các dụng cụ điện bị hỏng cách điện là: A. Phóng điện. C. Điện áp bước. B. Chạm vào vật mang điện. D. Hồ quang điện.	
24	Nối đất bảo vệ được áp dụng trong mạng điện: A. Có dây trung tính cách ly. C. Có dây trung tính nối đất.	

	B. Mạng 3 pha đấu sao.	D. Mạng 3 pha đấu tam giác.	
25	Tác dụng bảo vệ của nối dây trung tính bảo vệ : A. Khi vỏ thiết bị có điện, dòng điện tăng cao làm cầu chì cháy nổ và cắt mạch. B. Khi vỏ thiết bị có điện, dòng điện đi xuống đất nên không gây nguy hiểm cho người. C. Khi vỏ thiết bị có điện, điện áp giảm nên không gây nguy hiểm cho người. D. Khi vỏ thiết bị có điện, dòng điện giảm nên không gây nguy hiểm cho người.		
26	Tai nạn điện thường xảy ra do : A. Mất nguồn điện B. Mạng điện bị sự cố dẫn đến điện áp thấp hơn định mức. C. Dòng điện truyền qua cơ thể (bị điện giật), hồ quang điện. D. Dòng điện truyền qua cơ thể do điện áp bước.		
27	Tai nạn điện thường xảy ra do các nguyên nhân: A. Chạm vào vật mang điện, sự cố mất điện, do điện áp bước B. Chạm vào vật mang điện, phóng điện, do điện áp bước C. Chạm và lại gần các thiết bị điện, phóng điện, sự cố mất điện D. Phóng điện, do điện áp bước		
28	Trong điều kiện ẩm ướt, có nhiều bụi kim loại thì điện áp bao nhiêu thì được coi là điện áp an toàn: A. Dưới 12V B. Dưới 40V C. Dưới 60V D. Dưới 80V		
29	Trong điều kiện bình thường với lớp da sạch, khô thì điện áp là bao nhiêu thì được coi là điện áp an toàn : A. Dưới 12V B. Dưới 40V C. Dưới 70V D. Dưới 90V		
30	Trong trường hợp phải thao tác với mạng điện đang mang điện cần phải : A. Luôn cẩn thận khi làm việc với mạng điện. B. Cắt cầu dao trước khi thực hiện công việc sửa chữa. C. Thận trọng và sử dụng các vật lót cách điện. D. Thận trọng tháo bỏ đồng hồ, nữ trang.		
31	Vi phạm khoảng cách an toàn khi lại gần điện áp cao bị điện giật là tai nạn do: A. Phóng điện. B. Chạm vào vật mang điện. C. Điện áp bước. D. Chạm vào các cột điện.		
32	Các biện pháp để phòng tránh các tai nạn điện là ? A. Cách điện tốt, sử dụng dụng cụ an toàn lao động, nối đất . B. Sử dụng phương tiện phòng hộ . C. Nối đất và nối trung hòa D. Đảm bảo cách điện các phần tử điện		
33	Cứu người bị điện giật chúng ta cần phải: A. Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện và đưa đến bệnh viện B. Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện và làm hô hấp C. Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện, sơ cứu và đưa đến bệnh viện D. Sơ cứu và đưa đến bệnh viện.		
34	Để an toàn cho người khi sử dụng và đk máy thì thiết bị cần phải: A. Nối đất bảo vệ hoặc nối trung tính B. Sử dụng điện áp thấp C. Sử dụng điện áp một chiều D. Sử dụng dòng điện có cường độ nhỏ		
35	Để phòng ngừa tai nạn điện ta phải: I - Thực hiện các nguyên tắc an toàn khi sử dụng điện và sửa chữa điện. II - Giữ khoảng cách an toàn đối với đường dây điện . III – Không sử dụng vật có điện. IV – Bao phủ các phần tử sử dụng điện . A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I,II, III, IV		
36	Dòng điện tác dụng lên cơ thể người làm? A. Tê liệt hệ thần kinh, co rút hệ cơ, rối loạn hệ hô hấp, hệ tuần hoàn B. Co rút hệ cơ, Rối loạn hệ hô hấp, hệ tuần hoàn C. Tê liệt hệ thần kinh, co rút hệ cơ. D. Rối loạn hệ hô hấp, hệ tuần hoàn		
37	Khi kiểm tra các đồ dùng điện ta phải kiểm tra : I - Sự cách điện với vỏ kim loại. II - Dây dẫn điện vào đồ dùng. III - Sự hoạt động của đồ dùng. A . I, II B . II, III C . I, III D . I,II, III		

38	Khi nối đất thì điện trở dây nối đất A. Càng nhỏ càng tốt. B. Càng lớn càng tốt. C. Lớn hay nhỏ không quan trọng. D. Tùy trường hợp.	
39	Khi thấy người bị điện giật trước tiên ta phải : I - Dùng tay kéo người bị nạn ra khỏi nguồn điện. II - Cắt cầu dao nơi gần nhất. III - Tách nạn nhân ra khỏi nơi có điện bởi các trang thiết bị an toàn. IV - Đưa nạn nhân đến cơ sở y-tế gần nhất. A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I,II, III, IV	
40	Khi thấy tai nạn điện do dây điện bị đứt, làm giật người đi đường, ta cần phải : A. Nắm tay hoặc tóc kéo ra. B. Dùng vật cách điện kéo dây ra khỏi nạn nhân và đặt lên vật cách điện. C. Gọi điện thoại cho điện lực tới giải quyết. D. Chỉ nên đứng nhìn, không nên can thiệp vì sẽ bị giật điện theo.	
41	Mức độ nguy hiểm của các tai nạn điện phụ thuộc vào các yếu tố gì? A. Thời gian dòng điện qua cơ thể người. B. Cường độ dòng điện đi qua cơ thể người. C. Đường đi dòng điện qua cơ thể người. D. Điện trở người, tần số dòng điện qua người. A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I,II, III, IV	
42	Mức độ nguy hiểm khi cường độ nguồn điện đi qua người cao : A. Rất nguy hiểm. B. Tùy thuộc sức khỏe mỗi người. C. Ít nguy hiểm. D. Không ảnh hưởng.	
43	Mức độ nguy hiểm khi điện áp nguồn điện đi qua người cao : A. Rất nguy hiểm. B. Tùy thuộc sức khỏe mỗi người. C. Ít nguy hiểm. D. Không ảnh hưởng.	
44	Mức độ nguy hiểm khi điện trở người cao : A. Rất nguy hiểm. B. Tùy thuộc sức khỏe mỗi người. C. Ít nguy hiểm. D. Không ảnh hưởng.	
45	Mức độ nguy hiểm khi thời gian đi qua người ngắn : A. Rất nguy hiểm. B. Tùy thuộc sức khỏe mỗi người. C. Ít nguy hiểm. D. Không ảnh hưởng.	
46	Nếu bị điện giật. Nạn nhân chết trong tình trạng nào? A. Chết cháy B. Đau nhiều, không chịu nổi C. Chết ngạt D. Tim ngừng hoạt động	
47	Nguyên nhân gây ra các tai nạn điện là gì? A. Do chạm trực tiếp vào vật mang điện, Do phóng điện, Do điện áp bước B. Do chạm trực tiếp vào vật mang điện, Do phóng điện. C. Do làm các công việc cơ khí.Do điện áp bước D. Do phóng điện, Do điện áp bước.	
48	Nguyên nhân gây ra tai nạn điện giật là: A. Do chạm vào 2 dây điện trong mạng điện 3 pha 4 dây. B. Do Chạm vào thiết bị rò điện. C. Do phóng điện cao áp. D. Tất cả đều đúng.	
49	Nguyên nhân gây tai nạn điện là do . A. Cắt điện trước khi sửa chữa thiết bị điện B. Chủ quan không thực hiện các quy định an toàn lao động điện C. Do sử dụng dụng cụ khi làm việc D. Thực hiện nối đất các thiết bị, đồ dùng điện	
50	Nguyên nhân gây tai nạn điện: I - Không cắt điện trước khi sửa chữa II - Do chỗ làm việc chật hẹp III - Vi phạm khoảng cách an toàn điện cao áp và trạm biến áp IV - Thực hiện nối đất các thiết bị, đồ dùng điện A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I,II, III, IV	
51	Nguyên tắc an toàn điện trong khi sử dụng điện : I - Thực hiện tốt cách điện của đồ dùng điện và dây dẫn điện II - Thực hiện nối đất các thiết bị, đồ dùng điện	

	III - Không vi phạm khoảng cách an toàn đối với lưới điện cao áp IV - Nối dây pha xuống đất A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I,II, III, IV	
52	Nguyên tắc an toàn trong khi sửa chữa điện như : I - Phải cắt nguồn điện trước khi sửa chữa II - Sử dụng các vật lót, dụng cụ lao động cách điện III - Sử dụng các dụng cụ kiểm tra IV - Nối dây pha xuống đất A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I, II, III, IV	
53	Nguyên tắc an toàn trong quá trình lao động là : I - Sử dụng dụng cụ đúng tính năng. II - Thao tác thuần thục trong lao động. III - Quy trình hợp lý. IV - Tổ chức tốt nơi làm việc : gọn, trật tự, vệ sinh. A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I, II, III, IV	
54	Những hành động đúng về an toàn điện : I - Chơi đùa, thả diều gần đường dây dẫn điện II - Chơi gần dây nêo, dây chằng cột điện và trèo lên cột điện cao áp. III - Cắt điện và để bảng cấm khi sửa chữa . IV - Không chuyển những vật dẫn điện khi sửa chữa ở trên cao. A . I, II B . II, III C . I, II, III D . III, IV	
55	Những hành động sai về an toàn điện : I - Đi dây, nối dây, bật công tắc hoặc cắm ổ điện khi tay còn ướt. II - Cắt điện và để bảng cấm khi sửa chữa . III - Không chuyển những vật dẫn điện khi sửa chữa ở trên cao. IV - Sửa chữa các thiết bị có nối với đường dây ngoài trời lúc trời mưa . A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I, IV	
56	Nối đất bảo vệ là ? A. Nối dây trung hoà xuống đất B. Nối dây pha xuống đất C. Nối vỏ của thiết bị bằng kim loại xuống đất D. Nối phần mang điện của thiết bị xuống đất.	
57	Tai nạn điện xảy ra thường do nguyên nhân sau: I - Do chạm trực tiếp vào vật mang điện II - Vi phạm khoảng cách an toàn với lưới điện cao áp và trạm biến áp III - Do đến gần dây dẫn có điện bị đứt rơi xuống đất IV - Nối vỏ của thiết bị bằng kim loại xuống đất A . I, II B . II, III C . I, II, III D . I,II, III, IV	
58	Trình tự thực hiện khi cứu người bị điện giật. I - Cắt nguồn điện . II - Tiến hành hô hấp nhân tạo nơi thoáng khí. III - Tách nạn nhân ra khỏi nơi có điện bởi các trang thiết bị an toàn. IV - Đưa nạn nhân đến cơ sở y-tế gần nhất. A . II, I, III, IV B . I, III, II, IV C . IV, II, III, I D . I,II, III, IV	
59	Theo đại lượng cần đo người ta chia dụng cụ đo lường ra làm mấy loại? A. 4 loại: Từ điện, Điện từ, Điện động, Cảm ứng B. 4 loại: Ampe kế, Điện động, Cảm ứng, Công tơ C. 4 loại: Vôn kế, Ampe kế, Oát kế, Công tơ D. 4 loại: Vôn kế, Ampe kế, Oát kế, Dụng cụ đo kiểu điện từ	
60	Để phát hiện một số hư hỏng xảy ra trong mạch điện nhờ vào : A. Dụng cụ đo điện năng B. Dụng cụ đo dòng C. Dụng cụ đo công suất D. Dụng cụ đo lường	
61	Một dụng cụ đo lường có mấy bộ phận chính : A. 2 bộ phận chính : mạch đo, que đo. B. 2 bộ phận chính : cơ cấu đo, que đo. C. 3 bộ phận chính : cơ cấu đo, que đo, thang đo. D. 2 bộ phận chính : cơ cấu đo, mạch đo.	
62	Các đại lượng định mức thường ghi trên đồ dùng điện là: A. Điện áp, tần số dòng điện và công suất định mức B. Điện áp, dòng điện và công suất định mức	

	C. Công suất, dòng điện và tần số dòng điện định mức D. Công suất, tần số dòng điện và dung tích sử dụng	
63	Các đồ dùng điện trong nhà thường có : A. $P_{đm}$ khác nhau , $U_{đm}$ giống nhau B. $P_{đm}$ giống nhau, $U_{đm}$ khác nhau C. $P_{đm}, U_{đm}$ giống nhau D. $P_{đm}, U_{đm}$ khác nhau.	
64	Các số liệu kỹ thuật do nhà sản xuất quy định dùng để: A. Sử dụng đồ dùng điện được tốt, bền lâu, an toàn B. Cho người tiêu dùng dễ lựa chọn C. Quảng cáo sản phẩm do mình sản xuất D. Làm rối người tiêu dùng.	
65	Cấu tạo chung của dụng cụ đo lường gồm? A. Cơ cấu đo, mạch đo, kim chỉ thị, mặt số, lò xo phản và lò xo cản dũa B. Cơ cấu đo , mạch đo, kim chỉ thị và mặt số. C. kim chỉ thị, mặt số, Lò xo phản và lò xo cản dũa D. Lò xo phản và lò xo cản dũa, Cơ cấu đo , mạch đo	
66	Điện áp định mức ,dòng điện định mức, công suất định mức là những: A. Giá trị cho phép sử dụng. B. Yêu cầu máy móc ,thiết bị. C. Qui định của nhà sản xuất. D. Máy móc thiết bị nào cũng ghi.	
67	Độ chênh lệch giữa giá trị đọc được và giá trị thực trong đồng hồ đo: A. Sai số tuyệt đối . B. Cấp chính xác. C. Hệ số biến dạng. D. Tỷ lệ.	
68	Đơn vị của “Tần số dòng điện” là: A. Hz B. A (Ampe) C. V (Vôn) D. W (Watt)	
69	Thứ tự dụng cụ đo nào là đúng với các kí hiệu sau đây:  A. Ampe kế, oát kế, vôn kế, công tơ B. Oát kế, vôn kế, ampe kế, công tơ C. Vôn kế, ampe kế, oát kế, công tơ D. Công tơ, ampe kế, oát kế, vôn kế	
70	Tỉ số giữa sai số tuyệt đối và giá trị lớn nhất của thang đo tính theo phần trăm trong đồng hồ đo: A. Sai số tuyệt đối . B. Cấp chính xác. C. Hệ số biến dạng. D. Tỷ lệ.	
71	Vôn kế thang đo 500V, cấp chính xác 1,5 thì sai số tuyệt đối lớn nhất sẽ là: A. 7,5V B. 5V C. 7V D. 5,5V	
72	Cho vôn kế thang đo 300V, cấp chính xác 1. Sai số tuyệt đối là : A. 5 V B. 7,5 V C. 3 V D. 10 V	
73	Vôn kế có thang đo là 300 V, cấp chính xác là 1, 5 thì sai số tuyệt đối lớn nhất là? A. 3 V B. 1.5 V C. 4.5 V D. 6 V	
74	Để đo công suất tiêu thụ của phụ tải người ta dùng thiết bị đo nào? A. Ampe kế kết hợp với ôm kế B. Ôm kế C. Oát kế D. Vôn kế kết hợp với ôm kế	
75	Một bóng đèn có công suất 180W, sử dụng nguồn điện xoay chiều 220V. Hỏi dòng điện qua đèn là bao nhiêu ? A. 1,2A B. 1,2mA C. 0,82A D. 0,82mA	
76	Cách đo nào đúng với cách đo dòng điện và điện áp xoay chiều : A. Dòng điện mắc nối tiếp và điện áp mắc song song B. Dòng điện mắc song song và điện áp mắc song song C. Dòng điện mắc song song và điện áp mắc nối tiếp D. Dòng điện mắc nối tiếp và điện áp mắc nối tiếp	
77	Ký hiệu đơn vị đo dòng điện là? A. W B. V C. Ω D. A	
78	Ký hiệu đơn vị đo ôm kế là? A. W B. V C. Ω D. A	
79	Để đo điện áp ta sử dụng vôn kế và mắc A. Song song với đoạn mạch cần đo cường độ dòng điện B. Nối tiếp với đoạn mạch cần đo cường độ dòng điện C. Song song với đoạn mạch cần đo điện áp D. Song song và cũng có thể nối tiếp	
80	Để đo trị số cường độ dòng điện người ta mắc ampe kế như thế nào? A. Mắc song song hay nối tiếp với phụ tải đều được.	

	B. Mắc song song với phụ tải. C. Mắc nối tiếp với phụ tải. D. Mắc hỗn hợp với phụ tải.	
81	Dùng Ampe kế và Vôn kế để xác định dòng điện và điện áp của phụ tải cần phải. A. Mắc nối tiếp Ampe kế và mắc song song Vôn kế với phụ tải. B. Mắc nối tiếp ampe kế với vôn kế và nối với phụ tải C. Mắc song song ampe kế và mắc nối tiếp vôn kế với phụ tải D. Mắc vôn kế song song với ampe kế và nối với phụ tải	
82	Muốn đo trị số cường độ dòng điện của ba bóng đèn 60 w, điện áp 220 v thì chọn ampe kế có thang đo là? A. 0,01 A B. 0.1 A C. 1 A D. 10 A	
83	Muốn đo dòng điện, sử dụng ? A. Vôn kế B. Ampe kế C. Ôm kế D. Oát kế	
84	Để đo trị số cường độ dòng điện người ta dùng dụng cụ đo gì? A. Ampe kế (A) B. Ohm kế (Ω) C. Volt kế (V) D. Watt kế (W)	
85	Để đo dòng điện, khi chỉ có một dụng cụ đo lường điện, ta dùng dụng cụ: A. Ampe kế B. Oát kế C. Vôn kế D. Ôm kế	
86	Đơn vị đo điện áp là: A. Ampe (A) B. Ohm (Ω) C. Volt (V) D. Watt (W)	
87	Ký hiệu đơn vị đo điện áp là? A. W B. V C. Ω D. A	
88	Muốn đo điện áp, sử dụng ? A. Vôn kế B. Ampe kế C. Ôm kế D. Oát kế	
89	Để đo điện áp, khi chỉ có 1 dụng cụ đo lường, ta dùng dụng cụ nào ? A. Vôn kế B. Ampe kế C. Oát kế D. Ôm kế	
90	Để đo điện trở, khi chỉ có 1 dụng cụ đo lường, ta dùng dụng cụ nào ? A. Vôn kế B. Ampe kế C. Oát kế D. Ôm kế	
91	Muốn đo điện trở, sử dụng ? A. Vôn kế B. Ampe kế C. Ôm kế D. Oát kế	
92	Để đo số kWh của một hộ tiêu thụ dùng dụng cụ nào dưới đây : A. Dụng cụ đo điện áp B. Dụng cụ đo dòng điện C. Dụng cụ đo công suất D. Dụng cụ đo điện năng	
93	Ký hiệu đơn vị đo oát kế là? A. W B. V C. Ω D. A	
94	Một gia đình sử dụng điện năng theo chỉ số công tơ là 2450kWh, sau 1 tháng số chỉ công tơ 2530kWh. Vậy trong 6 tháng gia đình đó phải trả bao nhiêu tiền ? (biết 1kWh = 500 đồng) A. 230.000đ B. 240.000đ C. 250.000đ D. 270.000đ	
95	Để đo khả năng tiêu thụ điện năng của mỗi hộ gia đình, người ta sử dụng: A. Vôn kế B. Công tơ điện C. Ôm kế D. Ampe kế	
96	Muốn đo công suất gián tiếp, sử dụng ? A. Vôn kế, Oát kế B. Vôn kế, Ampe kế C. Oát kế, Ôm kế D. Oát kế, Ampe kế	
97	Để đo công suất, khi chỉ có một dụng cụ đo lường điện, ta dùng dụng cụ nào? A. Vôn kế B. Ampe kế C. Ôm kế D. Oát kế	
98	Muốn đo công suất trực tiếp, sử dụng ? A. Vôn kế B. Ampe kế C. Ôm kế D. Oát kế	
99	Dùng đồng hồ VOM, để đo điện áp xoay chiều 220V thì vận thang đo ở mức nào là chính xác : A. 200V B. 250V C. 500V D. 1000V	
100	Đồng hồ đo VOM được gọi là đồng hồ vạn năng vì : A. Có nhiều chức năng sử dụng. B. Dùng đo dòng điện, điện áp. C. Dùng để đo thử Transistor, xác định cực tính của Diode... D. Dùng đo điện trở, kiểm tra mạch.	
101	Đồng hồ VOM được gọi là : A. Vôn kế B. Ampe kế C. Ôm kế D. Đồng hồ vạn năng	
102	Dùng VOM kiểm tra tụ, kim không lên, là : A. Tụ tốt B. Tụ đứt C. Tụ chập D. Tụ rò	

103	Dùng VOM kiểm tra tụ, kim lên không về hết, là : A. Tụ tốt B. Tụ đứt C. Tụ chạm D. Tụ rò	
104	Dùng VOM kiểm tra tụ, kim lên không về, là : A. Tụ tốt B. Tụ đứt C. Tụ chạm D. Tụ rò	
105	Dùng VOM kiểm tra tụ, kim lên rồi trở về, là : A. Tụ tốt B. Tụ đứt C. Tụ chạm D. Tụ rò	
106	Những điều cần chú ý khi sử dụng Đồng hồ đo VOM : 1. Phải hiểu rõ cách dùng và các đặc tính kỹ thuật. 2. Chọn nút chuyển mạch và cắm que đo đúng vị trí đại lượng cần đo. 3. Luôn để thang đo có trị số lớn (khi đo các đại lượng chưa biết trị số) sau đó giảm dần . 4. Sau mỗi lần đo không sử dụng, trả đảo mạch về vị trí “ off ”. A. 1 B. 1, 2 C. 1, 2, 3 D. 1, 2, 3, 4	
107	Cuộn dây thứ cấp của MBA là: A. Cuộn dây quấn nối với nguồn, nhận năng lượng từ nguồn vào B. Cuộn dây quấn nối với nguồn, cung cấp điện cho nguồn C. Cuộn dây quấn nối với phụ tải, cung cấp điện cho nguồn D. Cuộn dây quấn nối với phụ tải, cung cấp điện cho phụ tải	
108	Cuộn dây sơ cấp của MBA là: A. Cuộn dây quấn nối với phụ tải, cung cấp điện cho phụ tải B. Cuộn dây quấn nối với nguồn, nhận năng lượng từ nguồn vào C. Cuộn dây quấn cung cấp điện cho phụ tải D. Cuộn dây quấn nối với nguồn, cung cấp điện cho nguồn	
109	Khi sử dụng máy biến áp ta không được: A. Đưa điện áp nguồn thấp hơn điện áp thứ cấp định mức B. Đưa điện áp nguồn thấp hơn điện áp sơ cấp định mức C. Đưa điện áp nguồn cao hơn điện áp thứ cấp định mức D. Đưa điện áp nguồn cao hơn điện áp sơ cấp định mức	
110	Máy biến áp có $U_1 < U_2$ được gọi là máy biến áp tăng áp. Khi đó: A. $f_1 < f_2$ B. $N_1 = N_2$ C. $N_1 < N_2$ D. $N_1 > N_2$	
111	Máy biến áp dùng để: A. Biến đổi điện áp một chiều mà vẫn giữ nguyên tần số B. Biến đổi điện áp xoay chiều mà vẫn giữ nguyên tần số C. Biến đổi điện áp, tần số của dòng điện xoay chiều D. Biến đổi tần số dòng điện xoay chiều mà vẫn giữ nguyên điện áp	
112	Một máy biến áp có ghi trên nhãn 2kVA, con số đó là gì? A. Điện áp sơ cấp định mức C. Công suất toàn phần B. Dòng điện định mức D. Công suất tác dụng	
113	Nguyên nhân máy biến áp làm việc không nóng nhưng kêu ồn thông thường là: A. Quá tải B. Các lá thép ép không chặt C. Hở mạch cuộn dây sơ cấp D. Chập mạch	
114	Thông thường máy biến áp có mấy cuộn dây? Tên gọi các cuộn dây đó ? A. 2 cuộn dây: Cuộn chính và cuộn sơ cấp B. 2 cuộn dây: Cuộn sơ cấp và cuộn phụ C. 2 cuộn dây: Cuộn sơ cấp và cuộn thứ cấp D. 2 cuộn dây: Cuộn chính và cuộn phụ	
115	Công suất định mức 100 KW. Tổn hao công suất trên biến áp 10, 65 KW .Hiệu suất của biến áp : A. 10,65 %.. B. 100 %.. C. 89,35 %.. D. 00 %..	
116	Công suất định mức của máy biến áp có đơn vị là: A. W. B. VAR. C. VA. D. HP.	
117	Để điện áp ra của máy biến áp thay đổi trong khoảng nhỏ ta thường làm cách nào trong các cách sau: A. Thay đổi điện áp nguồn. B. Thay đổi số vòng dây cuộn sơ cấp C. Thay đổi số vòng dây cuộn thứ cấp D. Thay đổi công suất của phụ tải.	
118	Hệ số máy biến áp $K > 1$ là : A. Máy tăng áp. C. Máy giảm áp. B. Không tăng ,không giảm. D. Máy 3 pha.	
119	Hệ số máy biến áp K là tỉ số : A. U_{p1} / U_{p2} . B. N_1 / N_2 . C. U_{d1} / U_{d2} . D. A và B đúng.	

120	Hiệu suất máy biến áp : A. $\eta = P_{\text{vào}} / P_{\text{ra}}$ B. $\eta = P_{\text{ra}} / P_{\text{vào}}$ C. $\eta = I_{\text{vào}} / I_{\text{ra}}$ D. $\eta = U_{\text{ra}} / U_{\text{vào}}$	
121	Khi sử dụng máy biến áp một pha cần lưu ý: A. Điện áp đưa vào máy biến áp không được lớn hơn điện áp định mức B. Không để máy biến áp làm việc quá công suất định mức C. Đặt máy biến áp ở nơi khô, thoáng gió và ít bụi D. Cả A, B, C đều đúng	
122	Lõi thép máy biến áp được ghép từ các lá thép vì lí do sau : A. Dễ lồng vào cuộn dây. B. Tiết kiệm vật liệu. C. Giảm dòng fuco D. Giảm tiếng ồn	
123	Máy biến áp có cấu tạo gồm: A. Cuộn dây và lõi thép. C. Stato và Rôto. B. Sơ cấp và thứ cấp. D. Khung dây và nam châm.	
124	Máy biến áp có hai cuộn dây riêng biệt không nối với nhau về điện là A. Máy biến áp tự cảm. B. Máy biến áp cảm ứng C. Máy biến áp tự ngẫu D. Là máy biến tần số	
125	Máy biến áp được sử dụng trong: A. Truyền tải điện năng. C. Kỹ thuật liên lạc. B. Kỹ thuật tự động và kỹ thuật đo. D. Nhiều lĩnh vực khác.	
126	Máy biến áp là máy biến đổi : A. Trị số điện áp , dòng điện. C. Biến đổi tần số. B. Biến đổi chu kỳ. D. Xoay chiều thành 1 chiều.	
127	Máy biến áp tăng áp thì? A. $k \leq 1$ B. $k < 1$. C. $k = 1$. D. $k > 1$	
128	MBA có ký hiệu N1 và N2, là . A. Điện áp cuộn sơ và thứ cấp C. Số vòng dây quấn cuộn sơ và thứ cấp B. Dòng điện cuộn sơ và thứ cấp D. Số vòng dây quấn cuộn thứ và sơ cấp	
129	Một máy biến áp có cuộn sơ cấp 1000 vòng và cuộn thứ cấp 500 vòng máy này là: A. Tăng áp 2 lần B. Giảm áp 2 lần C. Tăng áp 3 lần D. Giảm áp 3 lần	
130	Nguyên tắc của máy biến áp dựa vào : A. Lực điện từ C. Nam châm điện B. Hiện tượng tự cảm. D. Hiện tượng cảm ứng điện từ.	